Vocabulary Review –Unit 6

- **TOPIC VOCABULARY**

Thất bại :	Xem xét	Tiến bộ
Khóa học	Ngập ngừng	Chấm điểm
Kinh nghiệm:	Báo cáo:	Về tinh thần
Đoán	Tập trung	Đi thi
Sự hướng dẫn	Bằng cấp	Chuyên gia
Báo cáo	Điểm số	Nhắc nhở
Thông minh:	Đậu	Có tài năng
Ôn luyện	Tìm kiếm	Tấm bằng
Đảm bảo	Não	Học kì
Đạt được	Môn học	Phân vân/tự hỏi:

- **PHRASL VERBS**
  - Gạch bỏ: _____
  - Viết xuống: _____
  - Đọc lớn: _____
  - Xé nhỏ: _____
  - Chỉ ra: _____
  - Lật mặt: _____
  - Tra từ/ thông tin: _____
  - Tẩy đi_____

- **PREPOSITION PHARSES:**
  - Thuộc lòng : _____
  - Ví dụ : _____
  - Tóm lại/ Kết luận lại: _____
  - Nói chung: _____
  - Thật ra: _____
  - Thích/ủng hộ:_____
- **WORD FORM:**
  - Bắt đầu: _____
    ➔ Sự mở đầu_____
    ➔ Người mới bắt đầu: _____
  - Dũng cảm: _____
    -> sự dũng cảm: _____

Đúng/ chính xác : _____
➔ Sự sửa lỗi: _____
➔ Không chính xác : _____

Phân chia: _____
➔ Phép chia/sự phân chia:
_____

Giáo dục: _____

LIVEWORKSHEETS

➔ Nền giáo dục: _____

- Hướng dẫn: _____
  ➔ Sự hướng dẫn: _____
  ➔ Người hướng dẫn: _____

- Trí nhớ/ Ký ức: _____
  ➔ Ghi nhớ : _____
  ➔ Đài tưởng niệm: _____

Tham khảo: _____
➔ Sự tham khảo: _____

Im lặng : _____
➔ Sự im lặng: _____
➔ 1 cách im lặng (adv) _____

Đơn giản: _____
➔ Làm đơn giản (v) _____
➔ Sự đơn giản (n)_____

- WORD PATTERNS:
  - Có khả năng về : _____
  - Có tài năng về: _____
  - Gian lận trong: _____
  - Nhầm lẫn ....với: _____
  - Tiếp tục với: _____
  - Đương đầu với: _____
  - Giúp ai đó làm việc gì: _____
  - Học về: _____
  - Thành công trong: _____
  - 1 quan điểm về: _____
  - 1 câu hỏi về_____

LIVEWORKSHEETS